ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
**HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG ỨNG DỤNG CNTT NÂNG CAO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# DANH SÁCH PHÒNG THI 01 - CA THI 01
**Ngày thi: 14 tháng 12 năm 2025, buổi sáng**

| STT | Số BD | Họ và tên | | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | CBNC.2025-001 | Sầm Thị Thu | An | Nữ | 20.10.1992 | Cao Bằng | |
| 2 | CBNC.2025-002 | Nông Thị Ngọc | Anh | Nữ | 12.08.1988 | Cao Bằng | |
| 3 | CBNC.2025-003 | Nông Thị | Băng | Nữ | 19.05.1972 | Cao Bằng | |
| 4 | CBNC.2025-004 | Hà Thị | Bình | Nữ | 08.03.1978 | Cao Bằng | |
| 5 | CBNC.2025-005 | Nông Thanh | Bính | Nam | 14.03.1975 | Cao Bằng | |
| 6 | CBNC.2025-006 | Nội Thị | Cúc | Nữ | 12.10.1988 | Cao Bằng | |
| 7 | CBNC.2025-007 | Hoàng Quốc | Chấn | Nam | 12.12.1984 | Cao Bằng | |
| 8 | CBNC.2025-008 | Nguyễn Thị Huệ | Chi | Nữ | 05.05.1973 | Cao Bằng | |
| 9 | CBNC.2025-009 | Dương Minh | Chiến | Nam | 12.08.1977 | Cao Bằng | |
| 10 | CBNC.2025-010 | Tô Văn | Chung | Nam | 24.06.1980 | Cao Bằng | |
| 11 | CBNC.2025-011 | Lý Văn | Chuyên | Nam | 02.05.1972 | Cao Bằng | |
| 12 | CBNC.2025-012 | Nông Thị | Chuyền | Nữ | 20.07.1988 | Cao Bằng | |
| 13 | CBNC.2025-013 | Dương Văn | Doanh | Nam | 03.03.1996 | Cao Bằng | |
| 14 | CBNC.2025-014 | Vương Thuỳ | Dung | Nữ | 05.09.1985 | Cao Bằng | |
| 15 | CBNC.2025-015 | Quan Hùng | Dũng | Nam | 14.03.1982 | Cao Bằng | |
| 16 | CBNC.2025-016 | Vi Ngọc | Dương | Nam | 24.08.1975 | Cao Bằng | |
| 17 | CBNC.2025-017 | Vũ Văn | Đệ | Nam | 03.10.1980 | Hà Nội | |
| 18 | CBNC.2025-018 | Hà Thị | Điệp | Nữ | 26.07.1996 | Cao Bằng | |
| 19 | CBNC.2025-019 | Lương Duy | Đông | Nam | 30.08.1975 | Cao Bằng | |
| 20 | CBNC.2025-020 | Nông Văn | Đồng | Nam | 15.09.1994 | Cao Bằng | |
| 21 | CBNC.2025-021 | Vũ Mạnh | Đức | Nam | 20.09.1984 | Ninh Bình | |
| 22 | CBNC.2025-022 | Nguyễn Ngọc | Hà | Nữ | 25.10.1981 | Cao Bằng | |

**Ấn định danh sách: 22 thí sinh./.**

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
**HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG ỨNG DỤNG CNTT NÂNG CAO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## DANH SÁCH PHÒNG THI 02 - CA THI 01
**Ngày thi: 14 tháng 12 năm 2025, buổi sáng**

| STT | Số BD | Họ và tên | | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | CBNC.2025-023 | Hoàng Thị | Hạnh | Nữ | 30.01.1981 | Cao Bằng | |
| 2 | CBNC.2025-024 | Triệu Thị | Hằng | Nữ | 20.11.1986 | Cao Bằng | |
| 3 | CBNC.2025-025 | Đinh Thị Thu | Hiền | Nữ | 07.10.1982 | Cao Bằng | |
| 4 | CBNC.2025-026 | Hoàng Huy | Hiệp | Nam | 11.06.1976 | Cao Bằng | |
| 5 | CBNC.2025-027 | Nông Trung | Hiếu | Nam | 09.04.1978 | Cao Bằng | |
| 6 | CBNC.2025-028 | Tô Thị | Hòa | Nữ | 13.01.1987 | Cao Bằng | |
| 7 | CBNC.2025-029 | Lương Minh | Hòa | Nữ | 19.11.1987 | Cao Bằng | |
| 8 | CBNC.2025-030 | Nông Hoàng | Huế | Nữ | 27.11.1991 | Cao Bằng | |
| 9 | CBNC.2025-031 | Hoàng Thu | Huệ | Nữ | 22.09.1992 | Cao Bằng | |
| 10 | CBNC.2025-032 | Nguyễn Thị Thanh | Huệ | Nữ | 04.01.1987 | Cao Bằng | |
| 11 | CBNC.2025-033 | Mạc Quốc | Huy | Nam | 29.09.1985 | Cao Bằng | |
| 12 | CBNC.2025-034 | Đàm Thị | Huyền | Nữ | 15.05.1985 | Cao Bằng | |
| 13 | CBNC.2025-035 | Đinh Thị Thu | Huyền | Nữ | 01.07.1987 | Cao Bằng | |
| 14 | CBNC.2025-036 | Mông Thị | Huyền | Nữ | 09.03.1977 | Cao Bằng | |
| 15 | CBNC.2025-037 | Mạc Thị Thanh | Huyền | Nữ | 17.01..1982 | Cao Bằng | |
| 16 | CBNC.2025-038 | Phan Đức | Huỳnh | Nam | 25.04.1976 | Cao Bằng | |
| 17 | CBNC.2025-039 | Lương Văn | Hưng | Nam | 09.12.1982 | Cao Bằng | |
| 18 | CBNC.2025-040 | Bàn Mai | Hương | Nữ | 26.02.1975 | Cao Bằng | |
| 19 | CBNC.2025-041 | Đàm Thị Thu | Hương | Nữ | 01.10.1982 | Cao Bằng | |
| 20 | CBNC.2025-042 | Nguyễn Thị Thu | Hường | Nữ | 20.09.1990 | Cao Bằng | |
| 21 | CBNC.2025-043 | Ngôn Công | Hữu | Nam | 21.05.1981 | Cao Bằng | |
| 22 | CBNC.2025-044 | Tô Thị | Kiều | Nữ | 09.11.1978 | Cao Bằng | |

**Ấn định danh sách: 22 thí sinh./.**

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
**HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG ỨNG DỤNG CNTT NÂNG CAO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# DANH SÁCH PHÒNG THI 01 - CA THI 02
## Ngày thi: 14 tháng 12 năm 2025, buổi chiều

| STT | Số BD | Họ và tên | | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | CBNC.2025-045 | Lục Quốc | Khánh | Nam | 02.09.1985 | Cao Bằng | |
| 2 | CBNC.2025-046 | Chu Thị | Lan | Nữ | 18.08.1987 | Cao Bằng | |
| 3 | CBNC.2025-047 | Chu Thúy | Lâm | Nữ | 21.10.1981 | Cao Bằng | |
| 4 | CBNC.2025-048 | Triệu Thị | Liễu | Nữ | 09.11.1991 | Cao Bằng | |
| 5 | CBNC.2025-049 | Nguyễn Thùy | Linh | Nữ | 03.08.1982 | Cao Bằng | |
| 6 | CBNC.2025-050 | Nông Thị | Loan | Nữ | 27.06.1997 | Cao Bằng | |
| 7 | CBNC.2025-051 | Hoàng Thị Kiều | Loan | Nữ | 02.04.1989 | Cao Bằng | |
| 8 | CBNC.2025-052 | Triệu Văn | Long | Nam | 21.02.1991 | Cao Bằng | |
| 9 | CBNC.2025-053 | Phan Minh | Long | Nam | 13.07.1981 | Cao Bằng | |
| 10 | CBNC.2025-054 | Triệu Ngọc | Luân | Nam | 22.11.1977 | Cao Bằng | |
| 11 | CBNC.2025-055 | Nông Thị | Luyến | Nữ | 11.07.1993 | Cao Bằng | |
| 12 | CBNC.2025-056 | Nguyễn Thị Ngọc | Lý | Nữ | 23.02.1988 | Cao Bằng | |
| 13 | CBNC.2025-057 | Hoàng Ích | Nam | Nam | 21.10.1982 | Cao Bằng | |
| 14 | CBNC.2025-058 | Tăng Thị | Ngà | Nữ | 11.07.1989 | Cao Bằng | |
| 15 | CBNC.2025-059 | Đinh Thị Ngọc | Ngà | Nữ | 13.05.1984 | Thái Nguyên | |
| 16 | CBNC.2025-060 | Đỗ Việt | Ngà | Nữ | 26.01.1980 | Cao Bằng | |
| 17 | CBNC.2025-061 | Mê Thị | Ngân | Nữ | 20.10.1988 | Cao Bằng | |
| 18 | CBNC.2025-062 | Quan Thị | Nguyệt | Nữ | 15.11.1985 | Tuyên Quang | |
| 19 | CBNC.2025-063 | Lương Thị | Nha | Nữ | 03.08.1999 | Cao Bằng | |
| 20 | CBNC.2025-064 | Nông Thị Bích | Nhàn | Nữ | 28.11.1989 | Cao Bằng | |
| 21 | CBNC.2025-065 | Phạm Thị | Nhàn | Nữ | 28.11.1980 | Cao Bằng | |
| 22 | CBNC.2025-066 | Phí Văn | Nhất | Nam | 07.08.1982 | Bắc Ninh | |

**Ấn định danh sách: 22 thí sinh./.**

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
**HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG ỨNG DỤNG CNTT NÂNG CAO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# DANH SÁCH PHÒNG THI 02 - CA THI 02
**Ngày thi: 14 tháng 12 năm 2025, buổi chiều**

| STT | Số BD | Họ và tên | | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | CBNC.2025-067 | Ma Thị | Oanh | Nữ | 05.07.1991 | Thái Nguyên | |
| 2 | CBNC.2025-068 | Nội Thu | Oanh | Nữ | 15.05.1978 | Cao Bằng | |
| 3 | CBNC.2025-069 | Nông Văn | Phong | Nam | 26.12.1985 | Cao Bằng | |
| 4 | CBNC.2025-070 | Lãnh Văn | Phong | Nam | 09.04.1990 | Cao Bằng | |
| 5 | CBNC.2025-071 | Hà Minh | Phượng | Nữ | 07.11.1985 | Cao Bằng | |
| 6 | CBNC.2025-072 | Lương Thị | Tâm | Nữ | 04.05.1989 | Cao Bằng | |
| 7 | CBNC.2025-073 | Lý Văn | Thành | Nam | 12.07.1997 | Cao Bằng | |
| 8 | CBNC.2025-074 | Nông Thị | Thảo | Nữ | 03.02.1987 | Cao Bằng | |
| 9 | CBNC.2025-075 | Nông Minh | Thắng | Nam | 07.06.1981 | Lạng Sơn | |
| 10 | CBNC.2025-076 | Ngô Cao | Thế | Nam | 23.02.1984 | Cao Bằng | |
| 11 | CBNC.2025-077 | Lãnh Đức | Thiện | Nam | 25.05.1996 | Cao Bằng | |
| 12 | CBNC.2025-078 | Lương Quang | Thịnh | Nam | 15.10.1983 | Cao Bằng | |
| 13 | CBNC.2025-079 | Nông Đức | Thuận | Nam | 13.03.1972 | Cao Bằng | |
| 14 | CBNC.2025-080 | Đặng Quỳnh | Thư | Nữ | 16.07.1990 | Bắc Kạn | |
| 15 | CBNC.2025-081 | Mã Thị Anh | Thư | Nữ | 05.05.1972 | Cao Bằng | |
| 16 | CBNC.2025-082 | Hoàng Thị | Trà | Nữ | 25.10.1981 | Cao Bằng | |
| 17 | CBNC.2025-083 | Nguyễn Thị | Trang | Nữ | 01.01.1991 | Cao Bằng | |
| 18 | CBNC.2025-084 | Nguyễn Thành | Trung | Nam | 03.11.1981 | Cao Bằng | |
| 19 | CBNC.2025-085 | Hoàng Thị Hải | Vân | Nữ | 02.02.1983 | Cao Bằng | |
| 20 | CBNC.2025-086 | Hà Văn | Vui | Nam | 13.01.1972 | Cao Bằng | |
| 21 | CBNC.2025-087 | Hoàng Thị | Vườn | Nữ | 30.03.1984 | Cao Bằng | |
| 22 | CBNC.2025-088 | Nguyễn Viết | Đức | Nam | 10.07.1991 | ĐăkLăk | |
| 23 | CBNC.2025-089 | Lương Thanh | Hằng | Nữ | 01.05.1992 | Cao Bằng | |

**Ấn định danh sách: 23 thí sinh./.**